

Số: **31/2023/QĐST-DS**

Quận T, ngày 07 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Phạm Thị Trúc Đào

Thư ký phiên họp: Ông Dương Quốc Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Phan Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 156/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022, về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 25/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Cao Thị Tuyết V, sinh năm 1974; địa chỉ: 504 Lô A Chung cư S, Phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 18/4/2022, Đơn sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu ngày 29/9/2022 và quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu là bà Cao Thị Tuyết V trình bày:

Bà và ông Lâm Văn Minh H (sinh năm 1973) chung sống có đăng ký kết hôn từ năm 2011 tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2011 ngày 01/6/2011). Trước khi kết hôn, ông H có đăng ký thường trú tại địa chỉ: 424 đường H, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà đã thuê phòng trọ cư trú tại nhiều nơi khác nhau. Địa chỉ cuối cùng bà và ông H chung sống cùng nhau là tại số: 28/1 BS, Phường N, Quận T. Do giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gia đình nên ông H đã bỏ địa phương đi đâu không rõ từ tháng 9/2019

cho đến nay. Bà V đã tìm kiếm ông H nhiều nơi, bằng nhiều cách khác nhau nhưng không có tin tức gì của ông H, không biết nơi cư trú hiện nay của ông H ở đâu.

Quá trình chung sống, giữa bà V và ông H có 01 (một) người con chung tên Lâm Ngọc Kim T, sinh ngày 24/11/2011; vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Do giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đã lâu và việc ông H bỏ đi khỏi nơi cư trú đã làm cho mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng; tình cảm vợ chồng không còn nên bà V muốn ly hôn với ông H. Tuy nhiên, do bà không biết được địa chỉ nơi cư trú hiện tại của ông H nên không thực hiện được thủ tục ly hôn.

Nay, để có căn cứ nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H, cũng như giải quyết các quyền lợi liên quan, bà V yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Lâm Văn Minh H, sinh năm 1973, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: 28/1 BS, Phường N, Quận T, là người mất tích.

Về tài sản chung: Bà Cao Thị Tuyết V xác định quá trình chung sống, vợ chồng không có tài sản chung; đồng thời bà cũng không biết ông H có tài sản riêng hay không nên không có yêu cầu quản lý tài sản của ông H.

Đối với những người thân thích của ông H thì bà không thể cung cấp được đầy đủ họ tên, năm sinh, địa chỉ cư trú của cha mẹ, anh chị em ruột của ông H. Vì sau khi bà V và ông H kết hôn, vợ chồng không cư trú chung với những người thân thích của ông H. Vì vậy, bà V không biết được đầy đủ thông tin họ tên, năm sinh, địa chỉ cư trú của cha mẹ, anh chị em ruột của ông H, cũng như không biết hiện giờ họ còn sống hay đã chết nên bà V đề nghị Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng và cam đoan không khiếu nại hay thắc mắc gì về sau.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên họp giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng; Người yêu cầu chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Cao Thị Tuyết V về việc yêu cầu tuyên bố ông Lâm Văn Minh H, sinh năm 1973, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: 28/1 BS, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người mất tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận T nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Cao Thị Tuyết V về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích. Do người bị yêu cầu tuyên bố mất tích là ông Lâm Văn Minh H có nơi cư trú cuối cùng tại Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là yêu cầu về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T,

Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 27 và điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Căn cứ vào khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự.

Ngoài ra, bà V cũng không cung cấp được họ tên, năm sinh, địa chỉ cư trú của cha mẹ, anh chị em ruột của ông H và đề nghị Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án không xác định thêm người tham gia tố tụng nào khác.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Cao Thị Tuyết V và ông Lâm Văn Minh H chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2011 ngày 01/6/2011). Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 (một) con chung tên Lâm Ngọc Kim T, sinh ngày 24/11/2011; không có tài sản chung và nợ chung.

Nay để có căn cứ khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết các quyền lợi liên quan nên bà V yêu cầu Tòa án tuyên bố ông H mất tích. Xét thấy, trước khi nộp đơn yêu cầu, bà V đã đăng tin tìm kiếm tin tức của ông H nhưng không có kết quả; bà và ông H là vợ chồng hợp pháp nên bà V có quyền yêu cầu tuyên bố ông H mất tích và yêu cầu của bà là có cơ sở xem xét.

Tại kết quả xác minh của Công an Phường 10, Quận T thể hiện ông Lâm Văn Minh H có đăng ký thường trú tại số 424 đường H, Phường M, Quận T nhưng nhà đã giải tỏa từ năm 2010 nên ông H không thực tế cư trú tại địa chỉ hộ khẩu thường trú.

Tại kết quả xác minh của Công an Phường 5, Quận T thể hiện ông Lâm Văn Minh H có cư trú tại địa chỉ: 28/1 BS, Phường N, Quận T nhưng đã bỏ địa phương đi từ tháng 9/2019 đến nay. Đồng thời, bà V xác định đây là nơi cư trú cuối cùng của ông H mà bà biết, sau đó ông H bỏ đi đâu không rõ, bà cũng không có tin tức của ông H mặc dù đã áp dụng nhiều biện pháp tìm kiếm.

Quá trình chuẩn bị xét đơn yêu cầu, Tòa án đã ban hành quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích đối với ông Lâm Văn Minh H trên phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin của Tòa án trong thời hạn 04 tháng theo quy định tại các điều 384, 385 và 388 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không có kết quả. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường N, Quận T và lời khai, sự thừa nhận của bà V, Tòa án có căn cứ xác định nơi cư trú cuối cùng của ông H là tại địa chỉ: 28/1 BS, Phường N, Quận T. Ông H đã bỏ địa phương đi từ tháng 9/2019 đến nay, việc thông báo tìm kiếm không có kết quả; ông H biệt tích từ tháng

9/2019 đến nay đã hơn 02 năm liền và không có tin tức xác thực về việc ông H còn sống hay đã chết. Như vậy, yêu cầu của bà V về việc tuyên bố ông Lâm Văn Minh H mất tích là có căn cứ chấp nhận vì phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 68 của Bộ luật Dân sự.

Bà Cao Thị Tuyết V xác định quá trình chung sống, vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung; đồng thời bà cũng không biết ông H có tài sản riêng hay không nên không có yêu cầu quản lý tài sản của ông H. Do đó, Tòa án không xem xét.

[4] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Tòa án nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà Cao Thị Tuyết V chịu theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát được quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 27; điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 361, khoản 2 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 387, và Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Cao Thị Tuyết V.

Tuyên bố ông Lâm Văn Minh H, sinh năm 1973, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: 28/1 BS, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh mất tích.

2. Về Lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Cao Thị Tuyết V phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016932 ngày

09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T. Bà V đã thi hành xong Lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, tính từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND Phường 5, Quận T;
- UBND Phường 10, Quận T;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Phạm Thị Trúc Đào